TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH H1**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 66/2023/QĐST- HNGĐ	V, ngày 17 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH H1

Căn cứ Điều 149, 212, 213, 357 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Điều 4; Điều 6; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứ hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 73/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2023 về việc: *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung khi ly hôn"*, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/. **Anh Giang Văn Q**, SN 1986

2/. **Chị Trần Thị H**, SN 1987

Đăng ký HKTT, trú tại: thôn Đ, TT. V1, huyện V, tỉnh H1.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (con chung của anh Q và chị H)**:** cháu Giang Thu T, SN 22/01/2015 và cháu Giang Trúc L, SN 06/3/2019

*Người giám hộ cho cháu Giang Thu T: anh Giang Văn Q(bố đẻ)

* Người giám hộ cho cháu Giang Trúc L: Chị Trần Thị H (mẹ đẻ)

Đều có HKTT, trú tại: thôn Đ, TT. V1, huyện V, tỉnh H1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị H và anh Giang Văn Q kết hôn trên tinh thần cả hai bên đều tự nguyện, không bị ép gả và có đăng ký tại UBND thị trấn V1, huyện V, tỉnh Hưng Yên vào ngày 07/5/2014. Quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi cọ, xô xát nhau, không tôn trọng nhau. Nguyên nhân do tính cách bất đồng, quan điểm sống trái ngược, khắc khẩu, đời sống chung vợ chồng không hòa hợp. Gia đình hai biết có khuyên bảo, tìm cách giải quyết mâu thuẫn để

anh chị đoàn tụ nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng không tìm được tiếng nói chung nên anh chị sống ly thân nhau từ tháng 02/2019. Mặc dù sống cùng nhà nhưng không còn quan tâm hỏi han gì nhau, việc của ai người đó làm, cơm ai người đó ăn, không ăn ngủ cùng nhau từ đó cho đế nay. Nay anh Q và chị H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho anh, chị.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Q và chị H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai đều yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Yêu cầu này của anh Q và chị H là chính đáng, có căn cứ, phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận sự tự nguyện ly hôn giữa anh Q và chị H.

[2] Về con chung: anh Giang Văn Q và chị Trần Thị H đều xác nhận vợ chồng có 02 Về con chung: là cháu Giang Thu T, SN 22/01/2015 và cháu Giang Trúc L, SN 06/3/2019.

Ly hôn, chị H và anh Q cùng thống nhất thỏa thuận giao cho chị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Giang Trúc L, SN 06/3/2019; anh Qđược quyền trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Giang Thu T, SN 22/01/2015 cho đến khi hai con chung thành niên. Về cấp dưỡng: chị H và anh Q tự nguyện thống nhất, thỏa thuận anh Q có trách nhiệm cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung hàng tháng cho chị H là 5.000.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/6/2023 cho đến khi con chung là cháu Giang Trúc L thành niên. Chị H không phải cấp dưỡng phí tổn nuôi con cho anh Q.

[3] Về tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp, đất ở, công sức của hai vợ chồng: anh Giang Văn Q và chị Trần Thị H đều xác nhận anh chị tự thỏa thuận thống nhất giải quyết với nhau nên anh Q, chị H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: chị Trần Thị H tự nguyện chịu toàn bộ tiền lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1/. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: anh Giang Văn Q và chị Trần Thị H đều thuận tình ly hôn.

Về con chung: anh Giang Văn Q và chị Trần Thị H đều xác nhận vợ chồng có 02 Về con chung: là cháu Giang Thu T, SN 22/01/2015 và cháu Giang Trúc L, SN 06/3/2019.

Ly hôn, chị H và anh Q cùng thống nhất thỏa thuận giao cho chị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Giang Trúc L, SN

06/3/2019; anh Q được quyền trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Giang Thu T, SN 22/01/2015 cho đến khi hai con chung thành niên. Về cấp dưỡng: chị H và anh Q tự nguyện thống nhất, thỏa thuận anh Q có trách nhiệm cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung hàng tháng cho chị H là 5.000.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/6/2023 cho đến khi con chung là cháu Giang Trúc L thành niên. Chị H không phải cấp dưỡng phí tổn nuôi con cho anh Quốc.

Sau khi ly hôn, không ai được quyền ngăn cấm, cản trở chị H, anh Q thăm nom con chung.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung, nếu anh Q không thi hành đúng nghĩa vụ cấp dưỡng theo quyết định này thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả.

2/. Về tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp, công sức của hai vợ chồng: anh Giang Văn Q và chị Trần Thị H đều xác nhận anh chị tự thỏa thuận thống nhất giải quyết với nhau nên anh Q, chị H đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3/. Về lệ phí Tòa án: chị Trần Thị H tự nguyện chịu cả 300.000đ tiền lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Đối trừ với 300.000đ tiền tạm ứng lệ phí chị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số số AA/2021/0010888 ngày 24 tháng 4 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V. Chị Trần Thị H đã nộp đủ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4/. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực iện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện V
- THADS huyện V
- UBND TT. V1 (ĐKKH số 29/KH; Quyển số: 01/2014, ngày 07/5/2014)
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán

Phạm Văn H3